



LILAMA EMC
MÃ CHỨNG KHOÁN: L35

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **(NĂM 2014)**

Ninh Bình, tháng 03 năm 2015

PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2700224390, đăng ký lần đầu ngày 06/10/2006, Đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30/10/2007, thay đổi lần 2 ngày 07/09/2011.
- Vốn điều lệ: 32.651.550.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 32.651.550.000 đồng
- Địa chỉ: Số 72E, đường Hoàng Diệu, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.
- Số điện thoại: 0303.871.125
- Số fax: 0303.873.074
- Website: <http://www.lilamaemc.com.vn>
- Mã cổ phiếu: L35

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama được thành lập theo hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Cơ khí lắp máy, thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 925/QĐ-BXD ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tiền thân của Công ty là Đội công trường Lắp máy trực thuộc Liên hiệp Lắp máy – Bộ Xây dựng, được thành lập năm 1978. Từ năm 1983 đổi thành “Xí nghiệp Cơ khí lắp máy” trực thuộc Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy – Bộ Xây dựng, theo Quyết định số 012A/BXD-TCLĐ ngày 27/01/1983 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Từ năm 1996, là “Công ty Cơ khí lắp máy” thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 05/BXD-TCLĐ ngày 02/01/1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Tháng 7/2007 Công ty trở thành công ty đại chúng.

- Tháng 3/2010 Công ty chính thức niêm yết và giao dịch 3.265.155 cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là L35.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (giao thông, thủy lợi, công nghiệp, đường điện, trạm biến áp, xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền móng).

+ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Khảo sát, tư vấn: Kết cấu dân dụng, công nghiệp; quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội - ngoại thất dân dụng,

công nghiệp; cấp điện ngành nông nghiệp; chế tạo thiết bị máy cơ khí. Kiểm tra mỗi hàn (siêu âm, thấm thấu, từ tính Xray); hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; chống ăn mòn bề mặt kim loại.

- + Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.
- + Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.
- + Sản xuất các cấu kiện kim loại.
- + Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm).
- + Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- + Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- + Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu.
- + Đại lý.
- + Lắp đặt hệ thống điện.
- + Sản xuất thiết bị điện khác (cơ, điện).
- + Sửa chữa máy móc, thiết bị.
- + Bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- + Hoàn thiện công trình trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất.
- + Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.
- + Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện.
- + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- + Sản xuất hóa chất cơ bản (khí công nghiệp).
- + Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (khí công nghiệp).
- + Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

3.2. Địa bàn kinh doanh:

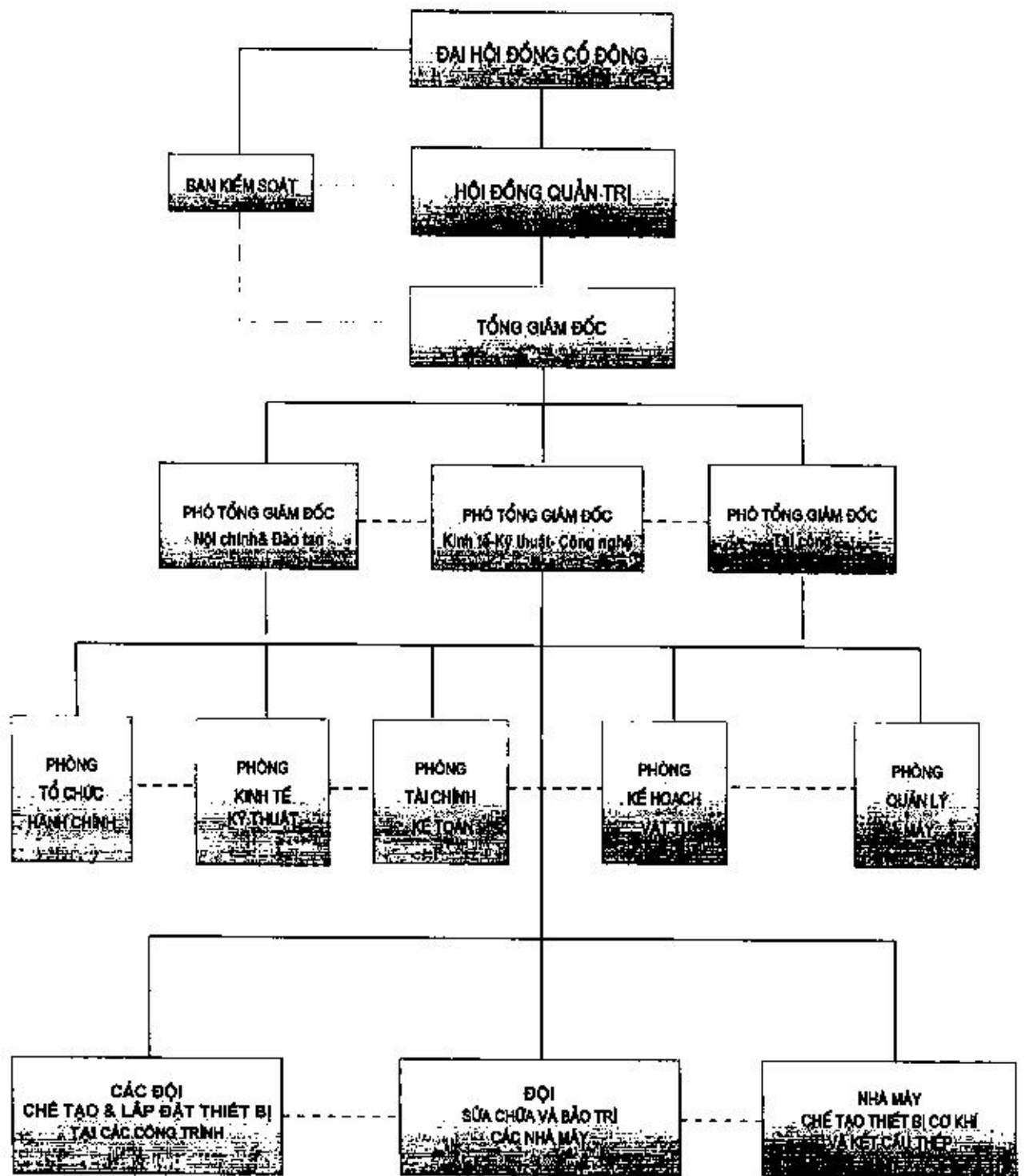
Công ty tham gia thi công các công trình dự án trong phạm vi cả nước. Trong đó 2 năm gần nhất, các địa bàn hoạt động chiếm trên 10% tổng doanh thu gồm: Ninh Bình, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa thiên Huế.

4. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo mô hình quản trị của Công ty cổ phần, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban Tổng Giám đốc; Ban kiểm soát.

4.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty như sau:



- Mọi quan hệ lãnh đạo, điều hành
- Mọi quan hệ phối hợp nghiệp vụ
- Mọi quan hệ kiểm soát

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

(1) Mục tiêu tổng quát:

- Tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu LILAMA, hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý để hoạt động của Công ty đạt hiệu quả cao hơn với lộ trình phù hợp, không gây nhiều xáo trộn trong sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng Công ty thành một đơn vị mạnh, có quy mô lớn hơn, trình độ quản lý chuyên nghiệp hơn và chuyên môn hóa theo ngành nghề kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh và khoa học công nghệ, không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

(2) Mục tiêu cụ thể:

- Tích cực tham gia vào các dự án do LILAMA làm thầu chính, đồng thời mở rộng thị trường do công ty trực tiếp ký kết với vai trò độc lập, phấn đấu đến năm 2020 trong cơ cấu doanh thu: 15 - 20% doanh thu thực hiện từ hợp đồng với Tổng công ty LILAMA, doanh thu còn lại do Công ty tự tìm kiếm từ thị trường bên ngoài.

- Tăng thị phần và doanh thu dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và chế tạo thiết bị thay thế ở các nhà máy xi măng, nhiệt điện. Mục tiêu đến năm 2020, trong cơ cấu doanh thu có 10 % thuộc lĩnh vực sửa chữa và bảo trì .

- Tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng (khoảng từ 2017 – 2018) để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.

- Tăng trưởng Tổng doanh thu bình quân hàng năm giai đoạn 2016 – 2020 đạt từ 10 – 15 %, tổng giá trị doanh thu đến cuối năm 2020 đạt từ 225 tỷ đồng, tăng 1,83 lần so với năm 2015.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

(1) Chiến lược tăng trưởng:

- Giai đoạn 2014 – 2015: Hoàn thành các công trình đang thi công, củng cố và gia tăng thị phần khu vực miền Trung và miền Bắc đối với các dự án ngành năng lượng, sản xuất vật liệu xây dựng, lọc hóa dầu.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Trên cơ sở kết quả thực hiện giai đoạn trước, tiếp tục tập trung đầu tư phát triển, tạo tiền đề để Công ty hoạt động chuyên sâu lĩnh vực có thế mạnh đã được định hướng, tạo lợi thế cạnh tranh đối với các dự án trong nước với vai trò nhà thầu độc lập, đạt mục tiêu doanh thu tối thiểu 225 tỷ đồng vào năm 2020.

(2) Chiến lược lợi nhuận:

- Trong giai đoạn đầu từ 2014 – 2015: Tập trung củng cố năng lực và thương hiệu, ưu tiên tăng quy mô về lao động, nâng cao năng lực thiết bị thi công, mở rộng thị trường để tăng doanh thu, duy trì tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu từ 3% - 5%.

- Giai đoạn sau từ năm 2016 – 2020: Nâng tầm thương hiệu Công ty, cải thiện hiệu quả hoạt động, nâng cao lợi nhuận, phấn đấu đến năm 2020 đạt tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu tối thiểu 7% .

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

+ Đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV, phấn đấu mức thu nhập bình quân hàng tháng từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/người/tháng.

- + Cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện nơi ăn ở, sinh hoạt của CBCNV trực tiếp thi công tại các công trình.
- + Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, xây dựng đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng và kích thích sản xuất phát triển.
- + Chăm lo sức khoẻ cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, mua BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ; đẩy mạnh phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao, thăm hỏi trợ cấp khó khăn kịp thời, chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV; tích cực tham gia các phong trào xã hội từ thiện và các hoạt động xã hội khác.
- + Tích cực tham gia, thực hiện tốt các chính sách xã hội.

6. Các rủi ro

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tác động trực tiếp từ tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, hoạt động đầu tư, tiến độ xây dựng các dự án, chính sách phát triển lĩnh vực cơ khí trong cả nước.

Trong hoạt động xây lắp, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất nhiều thời gian, dẫn tới tình trạng khối lượng công việc dờ dang nhiều, chốt số liệu doanh thu không kịp thời.

Việc giải ngân, thanh toán thường chậm do khó khăn từ việc thu xếp vốn của chủ đầu tư, thu hồi công nợ gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn và hiệu quả hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Biến động nguồn nhân lực tương đối lớn do đặc thù hoạt động của ngành, người lao động phải trực tiếp tham gia thi công trên các công trường dự án, điều kiện sinh hoạt, đi lại của CBCNV gặp nhiều khó khăn...

**PHẦN II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

1. Tình hình hoạt động Sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động SXKD năm 2014: Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama tham gia thi công các công trình, dự án chủ yếu gồm: Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhiệt điện Mông Dương 1, Mông Dương 2; NM lọc hoá dầu Nghi Sơn; Dây chuyền nhà máy Vôi Hương Hải; Xi măng X18, Đồng Lâm; Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị NM Xi măng Tam Điệp, Bút Sơn; Chế tạo thiết bị cho Formusa Hà Tĩnh, Chế tạo thiết bị nhà xưởng Phà Rừng...

Một số chỉ tiêu đạt được cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014
1	Giá trị Sản lượng	Tr.đồng	135.000	188.570
2	Giá trị doanh thu	Tr.đồng	117.238	160.685

3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	1.875	2.634
4	Nộp ngân sách	Tr.đồng	6.500	9.182
5	Thu nhập bình quân NLD	Tr.đồng/tháng	5,560	5,750
6	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	2.720	1.302

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- Năm 2014 hoạt động sản xuất kinh doanh có mức tăng trưởng khá so với năm trước: doanh thu thực hiện đạt 160,6 tỷ đồng bằng 137 % kế hoạch, và bằng 139% so với thực hiện năm 2013, các chỉ tiêu về lợi nhuận, nộp ngân sách đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách ban điều hành:

(1) Tổng giám đốc: Nguyễn Văn Triều

Số CMTND: 013250611 - Cấp ngày 19/01/2010 tại Hà Nội
 Ngày tháng năm sinh: 27/03/1971 - Giới tính: Nam
 Nơi sinh: Hải Triều – Tiên Lữ - Hưng Yên
 Quê quán: Hải Triều – Tiên Lữ - Hưng Yên
 Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: P604- Chung cư 54 Hạ Đình, P Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
 Trình độ văn hoá: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

Từ 3/1995 - 6/1996: CB Kỹ thuật - Cty Lắp máy & Xây dựng 45-1 – TP HCM
 Từ 7/1996 - 1/1998: Trưởng ban Kỹ thuật - XN Lắp máy Sao Mai - Công ty Lắp máy & Xây dựng 45-1
 Từ 2/1998 - 4/2001: Trưởng ban Kỹ thuật - XN Lắp máy Sao Mai Nghi Sơn- Công ty Lắp máy & Xây dựng 45-1
 Từ 5/2001 - 10/2001: CB Phòng Kinh tế Kỹ thuật - Công ty Lắp máy & Xây dựng 45-1, TP Hồ Chí Minh
 Từ 11/2001 - 2/2002: Phó trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật - Công ty Lắp máy & Xây dựng số 7, TP Đà Nẵng
 Từ 3/2002 - 9/2003: Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật - Công ty Lắp máy & Xây dựng số 7, TP Đà Nẵng
 Từ 10/2003 - 5/2006: Phó giám đốc - Công ty Lắp máy & Xây dựng số 7, Đà Nẵng
 Từ 6/2006 - 9/2009: Phó giám đốc - Cty Lắp máy & Xây dựng 69-3, Hải Dương
 Từ 10/2009-8/2011: Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật – Tổng công ty Lắp máy Việt Nam, TP Hà Nội
 Từ 9/2011 – nay: Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc, Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama, TP Ninh Bình, Ninh Bình
 Chức vụ hiện tại: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama

(2) Phó Tổng giám đốc : Bùi Sỹ Chiến

Số CMTND : 031171267 Cấp ngày: 13/03/2000 tại Hải Phòng

Ngày tháng năm sinh : 25/09/1956 - Giới tính : Nam
 Nơi sinh : Diễn Đông - Diễn Châu - Nghệ An
 Quê quán : Diễn Đông - Diễn Châu - Nghệ An
 Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Số nhà 29 - Ngõ 7 - Đường Biên Hoà - Phủ Lý - Hà Nam
 Trình độ văn hoá : 10/10 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện

Quá trình công tác :

Từ 5/1979 - 5/1985 : Kỹ sư điện - Công ty xây dựng K2 - Thanh Hoá
 Từ 6/1985 - 9/1994 : Kỹ sư điện - Liên hợp lắp máy 10 - Hoà Bình
 Từ 10/1994 - 5/1996: Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty lắp máy và xây dựng 69-2 TP Hải Phòng
 Từ 6/1996 - 7/1999 : Phó giám đốc Công ty lắp máy và xây dựng 69-2 Hải Phòng
 Từ 8/1999 - 6/2003: Giám đốc Công ty Đầu tư và phát triển khu công nghiệp Bắc Vinh – Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
 Từ 7/2003 – nay: Phó giám đốc Công ty Cơ khí lắp máy Ninh Bình, TP Ninh Bình
 Từ 7/2006 – nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama, TP Ninh Bình.
 Từ 1/2007 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama.

(3) Phó Tổng giám đốc : Nguyễn Văn Huân

Số CMTND : 164135276 Cấp ngày 19/04/2000 tại Ninh Bình
 Ngày tháng năm sinh : 20/07/1959 - Giới tính: Nam
 Nơi sinh : An Mỹ - Bình Lục - Hà Nam
 Quê quán : An Mỹ - Bình Lục - Hà Nam
 Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú : Phố Ngọc Mỹ - Phường Thanh Bình - Tp.Ninh Bình
 Trình độ văn hoá : 10/10 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác :

Từ 1983 - 1989 : Kỹ sư - Nhà máy thiết bị điện Đông Anh, Hà Nội
 Từ 1989 – 9/1996 : Kỹ sư - Công ty Cơ khí Lắp máy - TX Ninh Bình
 Từ 10/1996-12/2006: Phó giám đốc Công ty Cơ khí Lắp máy - TX Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
 Từ 1/2007 – nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama

(4) Phó Tổng giám đốc: Nguyễn Thanh Quang

Ngày sinh: 10/3/1961 - Giới tính: Nam
 Nơi sinh: Kiến Xương – Thái Bình
 Quê quán: Kiến Xương – Thái Bình
 Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
 Chứng minh nhân dân: 141756980 cấp ngày 7/7/1994 tại Hải Dương
 Địa chỉ thường trú: Minh Tân – Kinh Môn – Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Quá trình công tác:

Từ 6/1982 - 04/1984:	Cán bộ kỹ thuật – Xí nghiệp liên hiệp lắp máy 69
Từ 5/1984 - 07/1988:	Cán bộ kỹ thuật – Xí nghiệp Lắp máy 69-3
Từ 08/1988 - 05/1998:	Cán bộ kỹ thuật – Công ty LM và XD 69-3
Từ 06/1998 - 03/2001:	Đội trưởng thi công nhiệt điện Phá lại 2 - Cty LM và XD 69-3
Từ 04/2001 - 02/2003:	Biệt phái VP đại diện LILAMA tại Công trình XM Tam Điệp
Từ 01/2004 - 05/2007:	Đội trưởng thi công XM Bim Sơn, XM Hoàng Thạch
Từ 06/2007 – nay:	Trưởng phòng Kỹ thuật Cty CP cơ khí Lắp máy LILAMA
Từ 11/2009 – nay:	Phó Tổng giám đốc Cty CP cơ khí Lắp máy LILAMA

(5) *Kế toán trưởng:* **Phùng Quang Minh**

Ngày sinh: 19/05/1980 - Giới tính: Nam

Nơi sinh: Việt Trì, Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thuy Vân - Việt Trì - Phú Thọ

Chứng minh nhân dân: 012266297 cấp ngày 24/05/2012 tại Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Nhà 41A ngõ 109 đường Trường Chinh- Thanh Xuân- Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ 02/2003 - 03/2008:	Ban Tài chính Kế toán Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ 04/2008 - nay:	Trưởng phòng TCKT - Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama
Từ 04/2009 - 03/2010:	Thành viên HĐQT Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama
Từ 03/2010 – 04/2013:	Kế toán trưởng - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama
Từ 04/2013 – đến nay:	Kế toán trưởng – Thành viên HĐQT Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Tổng số cán bộ nhân viên bình quân năm 2014 là: 663 người

- Chính sách đối với người lao động:

+ Về tiền lương: Tiền lương đối với CBCNV được thực hiện theo Quy chế lương áp dụng thống nhất trong toàn công ty. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương sản phẩm theo hợp đồng khoán phù hợp với khối lượng công việc hoàn thành trong tháng, gắn năng suất và hiệu quả công tác với thu nhập được hưởng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo trình độ, năng lực và hiệu quả thực hiện công việc được giao.

+ Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành công việc tốt nhất. Công ty đã triển khai kế hoạch, chương trình đào tạo năm 2014 cho các nhóm kỹ sư/chuyên viên

(về ngoại ngữ, trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý); nhóm công nhân kỹ thuật (tay nghề/kỹ năng) bằng các hình thức đào tạo tại chỗ (kèm cấp và hướng dẫn) và cử đi đào tạo tập trung tại các cơ sở đào tạo. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục tổ chức các chương trình đào tạo, thi nâng cao tay nghề, nâng bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

+ Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc; đồng thời áp dụng các quy định về trách nhiệm vật chất đối với các hành vi làm thiệt hại tài sản, kỷ luật lao động đối với các vi phạm.

+ Công tác chăm lo đời sống đối với CBCNV: Công ty luôn quan tâm, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Công ty hàng năm đều tổ chức cho CBCNV đi tham quan, nghỉ mát phù hợp với điều kiện của đơn vị...

+ Tuân thủ các quy định của Nhà nước về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, hợp đồng lao động, nâng lương, nâng bậc hằng năm, các chế độ ốm đau, nghỉ phép, nghỉ lễ...

+ Thực hiện chế độ trợ cấp cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn kịp thời, đúng đối tượng. Công ty xây dựng quỹ từ thiện, quỹ xóa đói giảm nghèo, luôn đảm bảo kinh phí để chi cho công tác này hàng năm.

+ Công tác BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn lao động: Công ty luôn chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước. 100% lao động làm việc theo hợp đồng từ 3 tháng trở lên được tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN. Các chế độ chính sách đối với người lao động được công ty thực hiện đầy đủ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:

Kế hoạch đầu tư năm 2014 của Công ty là 2,7 tỷ đồng, tập trung chủ yếu cho các dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị phục vụ thi công. Công ty đã thực hiện với giá trị là 1,3 tỷ đồng, đạt 48% so với kế hoạch năm.

Việc đầu tư của công ty được thực hiện bằng nguồn vốn tự có, các thiết bị đầu tư bước đầu đã phát huy hiệu quả, đáp ứng tốt cho sản xuất tại các công trình, dự án.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Năm 2014, Công ty hoàn thành việc “Thôi hợp tác thành lập Công ty cổ phần Y tế Việt Nam” để thực hiện dự án xây dựng Bệnh viện Đa khoa do không phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính. Các bên đã thỏa thuận phía Công ty không thực hiện việc góp vốn cho dự án này.

Hiện tại, Công ty không có công ty con/công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ %

1	Tổng giá trị tài sản	181.034.987.638	172.688.410.306	95,4
2	Doanh thu thuần	115.581.762.465	160.685.438.407	139,0
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.384.589.392	94.947.453	6,9
4	Lợi nhuận khác	379.341.302	2.509.543.868	661,6
5	Lợi nhuận trước thuế	1.763.930.694	2.604.491.321	147,7
6	Lợi nhuận sau thuế	1.322.948.020	2.068.076.111	156,3
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	405	633	156,3

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,29	1,26	
2	(TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,75	0,90	
3	Nợ/tổng tài sản	0,75	0,74	
4	Nợ/vốn chủ sở hữu	3,04	2,78	
5	Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho	1,45	3,24	
6	Doanh thu thuần/tổng tài sản	0,64	0,93	
7	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,01	0,01	
8	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,03	0,05	
9	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,007	0,01	
10	LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	0,012	0,0006	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần 3.265.155 (cổ phần)
- Trong đó: Cổ phần phổ thông: 3.265.155 (cổ phần)

5.2. Cơ cấu cổ đông:

STT	Phân loại	Số lượng cổ đông	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ
1	Phân loại theo tỷ lệ sở hữu			

	a) Cổ đông lớn	1	1.665.229	51%
	b) Cổ đông nhỏ	653	1.599.926	49%
2	Phân loại theo tổ chức, cá nhân			
	a) Cá nhân	651	1.599.793	48,99%
	b) Tổ chức	3	1.665.362	51,01%
3	Phân loại theo trong nước, ngoài nước			
	a) Trong nước	651	3.245.855	99,41%
	b) Ngoài nước	3	19.300	0,59%
4	Phân loại theo cổ đông Nhà nước, cổ đông khác			
	a) Nhà nước	1	1.665.229	51%
	b) Cổ đông khác	694	1.599.926	49%

(Theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán - NĐKCC là 14/03/2014)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5.5. Các chứng khoán khác: Không

PHẦN III BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

TT	Nội dung	Thực hiện 2013 (triệu đồng)	Thực hiện 2014 (triệu đồng)	Tỷ lệ
1	Giá trị sản lượng	297.910	188.570	63,3%
2	Doanh thu	115.581	160.685	139,0%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.764	2.604	147,6%
4	Nộp Ngân sách	9.452	9.182	97,1%
5	Cổ tức thực hiện	3%	4%	133,3%
6	Đầu tư XDCB	4.569	1.280	28,0%

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Năm 2014, hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty đã đạt được mức tăng trưởng khá, thi công cơ bản đáp ứng yêu cầu đặt ra, các nhiệm vụ khác (thanh quyết toán và thu hồi vốn, mở rộng thị trường, quản lý kinh tế, kỹ thuật, tiết kiệm chi phí...) có nhiều chuyển biến tích cực. Kết thúc năm 2014 doanh thu thực hiện đạt trên 160 tỷ đồng bằng 137 % kế hoạch và bằng 139% thực hiện năm 2013, các chỉ tiêu về lợi nhuận, thu nhập bình quân, nộp ngân sách đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Việc làm cho người lao động được đảm bảo, thu nhập bình quân đạt 5,750 triệu đồng/người/tháng, chi trả tiền lương kịp thời. Công việc gói đầu cho năm 2015 được đảm bảo. Việc tiết kiệm, tiết giảm và kiểm soát các chi phí bước đầu đã có những kết quả đáng ghi nhận.

Thi công tại các công trình Nhiệt điện Mông Dương 1, Mông Dương 2, Vũng Áng 1, Xi măng Đồng Lâm, xi măng Tam Điệp, xi măng Bút Sơn, Lọc dầu Nghi Sơn, Vôi Hương Hải, Formosa Hà Tĩnh, nhà máy chế tạo Phà Rừng... đáp ứng chất lượng và tiến độ. Qua quá trình thi công các dự án có yêu cầu kỹ thuật cao, công ty đã từng bước tạo dựng được uy tín cũng như nâng cao trình độ quản lý, trình độ thi công và chất lượng nguồn nhân lực.

Công tác đấu thầu chào giá có nhiều chuyển biến tích cực, đã ký kết bổ sung các hợp đồng thi công hạng mục mới tại dự án đang đảm nhận, đồng thời đã tiếp cận thêm nhiều đầu mối công việc và đối tác mới.

Nguồn vốn phục vụ sản xuất đáp ứng tương đối kịp thời, công tác thu hồi vốn có nhiều kết quả tốt. Chi nộp Ngân sách, nộp BHXH đều tăng so với kế hoạch và so với năm 2013, đạt lần lượt là 9,18 tỷ đồng và 7,15 tỷ đồng.

Công tác chăm lo đời sống cho người lao động được quan tâm. Cơ sở vật chất phục vụ ăn ở, sinh hoạt tại các đơn vị thi công được đầu tư tốt hơn và có nhiều cải thiện.

- Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong hoạt động SXKD vẫn còn hạn chế, tồn tại cần phải khẩn trương tập trung khắc phục, cụ thể: Chi phí sản xuất, dư nợ vay tín dụng còn cao so với mục tiêu đề ra, năng suất lao động mặc dù đã được cải thiện nhưng nhìn chung chưa đạt yêu cầu; nhiều khoản nợ quá hạn chưa thu hồi được làm tăng trích lập dự phòng, đẩy chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao; chi phí lãi vay còn lớn, lợi nhuận thực hiện thấp...

Việc quyết toán nội bộ và thanh quyết toán các công trình/dự án cũ còn chậm và gặp nhiều khó khăn.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản và nợ phải trả:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	10,7%	8,3%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	89,3%	91,7%
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	75,3%	73,5%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	24,7%	26,5%

3	Khả năng thanh toán		
	- Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả	1,33	1,36
	- Tổng TSLĐ và đầu tư ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	1,29	1,26
	- Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	0,06	0,09
4	Tỷ suất lợi nhuận		
	- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	1,52%	1,62%
	- Lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	5,4%	7,97%

2.2. Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh:

(1) Về cơ cấu tài sản và nguồn vốn năm 2014 như sau:

Tài sản ngắn hạn chiếm đến 91% trong khi các khoản nợ ngắn hạn chỉ chiếm 72%. Như vậy về mặt thanh toán các khoản nợ ngắn hạn là an toàn.

Tuy nhiên, trong các năm gần đây, công tác thanh quyết toán thu hồi vốn các công trình gặp nhiều khó khăn, do vậy, tỷ trọng nợ phải thu trên tổng tài sản qua các năm lớn. Cụ thể năm 2013 là 50%, năm 2014 là 60%.

Trong tài sản ngắn hạn thì khoản phải thu khách hàng chiếm đến 66%, tiềm ẩn rủi ro nếu không thu hồi được vốn trong khi đến hạn thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Mặt khác khi không thu hồi được công nợ, qua thời gian, Công ty phải trích lập dự phòng phải thu năm sau tăng lên so với năm trước.

(2) Về nhóm chỉ tiêu cơ cấu vốn kinh doanh:

- Tỷ số nợ (Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu) = 2,77 lần;
- Tỷ suất Nợ ngắn hạn/ Vốn chủ sở hữu = 2,75 lần
- Tỷ số tự tài trợ (Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn) = 26,5 %

Nhóm chỉ tiêu này phản ánh số nợ phải trả nằm trong ngưỡng an toàn so với vốn chủ sở hữu.

(3) Về nhóm chỉ tiêu ảnh hưởng đến khả năng thanh toán:

Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn bằng nguồn tài sản. Tuy nhiên, cần giảm dư nợ phải trả khách hàng sang các các nguồn có tính thanh khoản cao hơn như tiền và tương đương tiền.

(4) Về nhóm chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời:

- Tỷ suất lợi nhuận gộp/ Doanh thu = 0,094
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu = 0,16
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn chủ sở hữu = 0,057

Nhóm chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả kinh doanh thấp: 01 đồng doanh thu tạo ra được 0,094 đồng lợi nhuận gộp và 0,16 đồng lợi nhuận trước thuế. Với 01 đồng vốn chủ sở hữu, công ty tạo ra được 0,057 đồng lợi nhuận trước thuế.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Đã xây dựng, thông qua ĐHCĐ và tổ chức thực Đề án tái cấu trúc, nâng cao năng lực quản trị công ty giai đoạn 2014 – 2015, tầm nhìn đến năm 2020 để tái cơ cấu toàn diện công ty.

- Thực hiện chế độ Chủ tịch HĐQT chuyên trách, đảm bảo số lượng thành viên HĐQT độc lập không điều hành theo đúng Điều lệ công ty.

- Ban hành Điều lệ 2013 và Quy chế quản trị 2015 phù hợp với Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

- Hoàn thiện hệ thống Quy chế, Quy định nội bộ khác phù hợp với Điều lệ, làm cơ sở thực hiện việc thống nhất quản lý, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đầu tư nâng cao một phần năng lực thiết bị, phương tiện đáp ứng các yêu cầu thi công. Tăng cường các biện pháp quản lý chặt chẽ vật tư, nâng cao hiệu quả sử dụng phương tiện máy móc thiết bị để giảm chi phí sản xuất.

- Cơ cấu lại nguồn vốn cho sản xuất và đầu tư, sử dụng linh hoạt các nguồn tiền và vốn đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng các dự án.

- Duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008.

- Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển phù hợp với tình hình kinh tế xã hội và chính sách đầu tư xây dựng cơ bản của đất nước, phù hợp quy mô nguồn vốn và trang thiết bị, chú trọng phát triển nhân tố con người thông qua các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn. Lấy hiệu quả, chất lượng, chữ tín làm cơ sở xây dựng thương hiệu, ổn định và phát triển sản xuất...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Xây dựng Công ty trở thành một đơn vị mạnh của Tổng công ty LILAMA; là nhà thầu thi công uy tín trong lĩnh vực lắp đặt và chế tạo thiết bị cơ điện đối với các dự án Nhiệt điện và các công trình công nghiệp, dân dụng khác....

- Trong năm 2015 phấn đấu hoàn thành đạt và vượt kế hoạch SXKD sau:

TT	Nội dung	TH năm 2014 (triệu đồng)	KH năm 2015 (triệu đồng)	Tỷ lệ
1	Giá trị sản lượng	188.570	190.790	101%
2	Doanh thu	160.685	163.370	102%
3	Lợi nhuận trước thuế	2.634	2.950	112%
4	Nộp ngân sách	9.182	8.000	87%
5	Tổng số lao động bình quân (người)	663	765	115%
6	Thu nhập bình quân/người/tháng	5,750	5,780	101%
7	Đầu tư XDCB	1.280	3.800	336%

- Một số giải pháp tổ chức thực hiện Kế hoạch SXKD 2015:

+ Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng công tác chào thầu, chào giá, tìm kiếm việc làm, nâng cao tỷ trọng hợp đồng gia công chế tạo, với mục tiêu bổ sung thêm các hợp

đồng thi công mới cho năm 2015 và 2016. Mở rộng thêm thị trường công việc ngoài các hợp đồng ký với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam.

+ Bảo đảm việc làm, tuyển dụng và đào tạo bổ sung để nâng cao chất lượng nhân lực đáp ứng sản xuất.

+ Xây dựng giải pháp và thực hiện triển khai sản xuất phù hợp, sử dụng nhân lực hiệu quả, kiểm soát thời gian và chi phí nhằm tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả kinh doanh và thu nhập cho người lao động. Nâng cao chất lượng sản phẩm, từng bước nâng cao uy tín, thương hiệu công ty.

+ Tiếp tục duy trì công tác thu hồi vốn, giảm dư nợ vay tín dụng. Thực hiện nghiệm thu, thanh quyết toán kịp thời các công việc hoàn thành, thực hiện quyết liệt, dứt điểm việc quyết toán các công trình/dự án cũ và quyết toán nội bộ.

+ Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động. Duy trì công tác bảo đảm an ninh, an toàn tài sản và vệ sinh môi trường.

+ Tiếp tục từng bước đầu tư cơ sở vật chất để cải thiện điều kiện ăn ở sinh hoạt của CBCNV tại các đơn vị sản xuất. Thúc đẩy và mở rộng phạm vi các hoạt động phong trào đoàn thể một cách thiết thực, hiệu quả để nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV.

PHẦN IV ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Về sản xuất kinh doanh:

Năm 2014 tiếp tục là một năm còn nhiều khó khăn đối với nền kinh tế nước nhà. Trong hoàn cảnh đó, Ban lãnh đạo Công ty đã có nhiều nỗ lực trong chỉ đạo điều hành với mục tiêu ổn định tài chính, mở rộng thị trường, nhằm thực hiện tốt nhất kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Cùng với tinh thần đoàn kết và sự cố gắng của toàn thể CBCNV, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt được nhiều kết quả khả quan. Cụ thể:

+ SXKD đạt mức tăng trưởng khá, việc làm thu nhập của người lao động được đảm bảo, doanh thu, lợi nhuận và các chỉ tiêu chính khác trong kế hoạch SXKD đều hoàn thành vượt kế hoạch đề ra.

+ Sản xuất thi công tại các công trình/dự án đáp ứng tốt yêu cầu về tiến độ và chất lượng, năng lực tổ chức sản xuất được cải thiện đáng kể...

Tuy nhiên, chi phí sản xuất còn cao, thị trường còn hạn chế, năng suất lao động mặc dù đã có cải thiện nhưng nhìn chung vẫn còn ở mức thấp.

1.2. Về tình hình tài chính:

Công tác tài chính được thực hiện theo đúng quy chế quản lý tài chính, việc hạch toán kế toán đúng chuẩn mực kế toán hiện hành. Chế độ lập và báo cáo tài chính, công bố thông tin được thực hiện kịp thời, đúng quy định.

Tuy nhiên tình hình tài chính vẫn còn nhiều khó khăn, hiệu quả sử dụng vốn còn thấp; dư nợ tín dụng và chi phí lãi vay còn ở mức cao; nợ phải trả, phải thu đều lớn so với doanh thu. Nhiều khoản nợ quá hạn chưa thu hồi được làm giảm khả năng thanh toán ngắn hạn, tăng trích lập dự phòng... làm giảm hiệu quả hoạt động của đơn vị.

1.3. Về công tác đầu tư:

Trong năm công ty đã tiến hành đầu tư nâng cao một phần năng lực thiết bị đáp ứng cho sản xuất thi công, các trang thiết bị được đầu tư là thiết thực và phát huy hiệu quả. Thủ tục đầu tư thực hiện đúng quy chế công ty và các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, kinh phí cho đầu tư phát triển còn hạn chế, việc thu xếp vốn cho đầu tư còn gặp nhiều khó khăn.

1.4. Về lao động và việc làm:

Đã đảm bảo tốt vấn đề việc làm cho người lao động, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch thu nhập bình quân. Các quy định liên quan đến chế độ BHXH, BHYT, BHTN, nghỉ phép, nghỉ lễ... cho người lao động được công ty thực hiện đầy đủ.

Mặc dù vậy, chất lượng lao động/năng suất lao động vẫn còn thấp so với yêu cầu, tỷ lệ gián tiếp/trực tiếp vẫn ở mức cao, biến động nhân lực vào ra lớn, lực lượng công nhân có tay nghề cao còn thiếu.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc

- Năm 2014, trong điều hành, Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ tốt các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết HĐQT, đã duy trì thường xuyên chế độ thông tin và báo cáo với HĐQT về kết quả và tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác.

- Ban Tổng giám đốc đã ban hành quy định về chế độ làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, đã bám sát kế hoạch SXKD hàng quý của HĐQT để tập trung thực hiện, kịp thời nắm bắt và chỉ đạo sát sao mọi mặt công tác.

- Ban Tổng giám đốc đã tăng cường chỉ đạo và thực hiện quyết liệt công tác thanh quyết toán, thu hồi vốn các công trình. Đối với các công trình/dự án đang thi công việc thanh quyết toán và thanh toán của khách hàng cơ bản đúng hạn. Tuy nhiên, một số công trình dự án cũ, việc thanh quyết toán còn đang gặp khó khăn, đòi hỏi phải thực hiện quyết liệt hơn nữa trong thời gian tới.

- Nhìn chung, năm 2014 Ban Tổng giám đốc đã tăng cường công tác quản lý, có nhiều giải pháp tích cực, quyết liệt trong điều hành, trên cơ sở đó, hoạt động SXKD của Công ty có mức tăng trưởng khá, năng lực sản xuất, hiệu quả hoạt động của đơn vị được cải thiện.

- Để Công ty đạt được sự tăng trưởng tốt trong năm 2015 và những năm tiếp theo, hoàn thành các mục tiêu dài hạn trong chương trình Tái cấu trúc; Ban điều hành cần tập trung chỉ đạo quyết liệt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh ngay từ đầu năm, đồng thời phải thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, đánh giá tình hình thực hiện tại các đơn vị, tăng cường công tác quản lý và thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để tăng năng suất lao động, chỉ đạo giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc.... tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận.

3. Hoạt động của HĐQT năm 2014 và Kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2015

3.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2014:

- HĐQT xây dựng và trình ĐHCĐ thông qua Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty theo chủ trương, định hướng của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam. Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án tái cấu trúc giai đoạn 2014 - 2015.

- Tiếp tục tập trung thực hiện chức năng quản trị và giám sát các mặt hoạt động của Công ty. Tổ chức các phiên họp thường kỳ để tổng kết đánh giá kết quả và xây dựng kế hoạch SXKD cho từng quý, ban hành nghị quyết, đưa ra những định hướng và các giải pháp để chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD.

- Phân công từng thành viên theo dõi các lĩnh vực hoạt động của công ty. Các thành viên HĐQT theo nhiệm vụ được phân công đã thực hiện chức năng giám sát thường xuyên, kịp thời có ý kiến với ban điều hành trong các vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ tại các kỳ họp HĐQT.

- Bên cạnh đó, HĐQT thường xuyên tham gia các phiên họp của Ban giám đốc điều hành, trực tiếp làm việc với các đơn vị sản xuất để nắm bắt tình hình và chỉ đạo giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

3.2. Kế hoạch, định hướng của HĐQT trong năm 2015:

(1) Tiếp tục chỉ đạo triển khai đồng bộ Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị giai đoạn 2014-2015, định hướng đến năm 2020. Mục tiêu của chương trình tái cấu trúc giai đoạn 2014-2015 chủ yếu là:

- Hoàn thiện mô hình tổ chức, quy trình quản lý để hoạt động của Công ty đạt hiệu quả cao hơn phù hợp với thực tiễn hoạt động, không gây nhiều xáo trộn trong sản xuất kinh doanh.

- Đầu tư trang thiết bị, tài sản, phát triển năng lực chuyên sâu một số lĩnh vực kinh doanh mà công ty có thế mạnh và thị trường tiềm năng;

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường;

- Tăng quy mô về vốn và tài sản; đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tăng doanh thu và lợi nhuận.

(2) Tiếp tục tập trung thực hiện có hiệu quả công tác quản trị trong các lĩnh vực chính, cụ thể:

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm phù hợp;

- Xây dựng và thực hiện đầu tư và hợp tác đầu tư hiệu quả;

- Duy trì các phiên họp định kỳ, các hoạt động kiểm tra để đánh giá kết quả hoạt động, kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành;

- Thường xuyên giám sát việc tuân thủ Luật pháp, tuân thủ Quy chế/quy định nội bộ của Công ty và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.

(3) Chỉ đạo và phối hợp cùng Ban Tổng giám đốc đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác tiếp thị, đấu thầu, chào giá, mở rộng thị trường.

Từ 1/1999-6/2005:	Phó Giám đốc Công ty lắp máy và xây dựng 69-3, Hải Dương
Từ 6/2005-1/2007:	Giám đốc Công ty Cơ khí Lắp máy, thị xã Ninh Bình- T Ninh Ninh
Từ 1/2007 – 4/2009:	Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama
Từ 4/2009 – 08/2011:	Chủ tịch HĐQT - Tổng GD Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama
Từ 09/2011 – nay:	Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT không thành lập các tiểu ban, HĐQT phân công nhiệm vụ cho từng thành viên theo dõi các mặt và lĩnh vực hoạt động của công ty. Các thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo những vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách tại các kỳ họp HĐQT.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2014 Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD của Công ty. Kiểm tra giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy định và hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc. Tại các phiên họp thường kỳ, HĐQT ban hành Nghị quyết, đưa ra những định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp, kịp thời để chỉ đạo hoạt động SXKD.

a) Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Hữu Điều	Chủ tịch HĐQT	7	100%	
2	Ông Phùng Quang Minh	Thành viên	7	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Triều	Thành viên	7	100%	
4	Ông Bùi Sỹ Chiến	Thành viên	7	100%	
5	Ông Trần Văn Hùng	Thành viên	7	100%	

b) Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	39/NQ-HĐQT-2014	07/03/2014	Thông qua: Báo cáo tài chính năm 2013, Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2013; Kế hoạch thanh toán cổ tức 2012 và Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014; Kế hoạch và ước thực hiện một số chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh Quý 1/2014; Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty giai đoạn 2014 – 2015, định hướng đến năm 2020.
2	39a/NQ-HĐQT-2014	07/03/2014	Bãi bỏ chức danh Phó chủ tịch HĐQT trong cơ cấu tổ chức HĐQT Công ty.
3	40/NQ-HĐQT-2014	17/06/2014	Thông qua: Kết quả SXKD quý 1/2014 và Kế hoạch SXKD quý 2/2014 và ước thực hiện một số chỉ tiêu về

			SXKD 6 tháng đầu năm 2014.
4	99/HĐQT-EMC	17/06/2014	Thông qua kế hoạch tài chính 2014.
5	41/NQ-HĐQT-2014	06/09/2014	Thông qua Báo cáo tài chính soát xét và kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2014; Thông qua Kế hoạch và ước thực hiện một số chỉ tiêu SXKD quý 3/2014; Thông qua Kế hoạch SXKD quý 4/2014 và dự kiến thực hiện một số chỉ tiêu SXKD cả năm 2014; Thông qua một số nhiệm vụ công tác trọng tâm cần tập trung thực hiện trong thời gian còn lại của năm 2014.
6	42/NQ-HĐQT-2014	31/10/2014	Bổ nhiệm lại Ông Nguyễn Thanh Quang làm Phó tổng giám đốc Công ty.
7	43/NQ-HĐQT-2014	31/10/2014	Bổ nhiệm lại Ông Phùng Quang Minh làm Kế toán trưởng Công ty.
8	44/NQ-HĐQT-2014	25/11/2014	Nâng bậc lương cho ông Lê Hữu Điều, chủ tịch HĐQT Công ty.
9	45/NQ-HĐQT-2014	25/11/2014	Nâng bậc lương cho ông Nguyễn Văn Triều, Tổng giám đốc Công ty.
10	46/NQ-HĐQT-2014	25/11/2014	Nâng bậc lương cho ông Nguyễn Thanh Quang, Phó Tổng giám đốc Công ty.
11	47/NQ-HĐQT-2014	25/11/2014	Nâng bậc lương cho ông Phùng Quang Minh, Kế toán trưởng Công ty.
12	48/NQ-HĐQT-2014	17/11/2014	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Tiền Phong và HĐQT uỷ quyền cho Tổng giám đốc là người đại diện giao dịch.
13	49/NQ-HĐQT-2014	02/12/2014	Thông qua ước thực hiện một số chỉ tiêu SXKD năm 2014; Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2015 và một số giải pháp thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2015.

1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

- Tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, đề xuất các ý kiến, thảo luận và biểu quyết các vấn đề tại các phiên họp HĐQT.
- Thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên HĐQT;
- Tuân thủ việc phân công trong nội bộ HĐQT về quản lý, giám sát các lĩnh vực hoạt động của công ty;
- Kịp thời có ý kiến với Ban giám đốc và HĐQT liên quan đến quyền của cổ đông.

1.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- (1) Ông Lê Hữu Điều – Chủ tịch HĐQT
- (2) Ông Bùi Sỹ Chiến – Thành viên HĐQT
- (3) Ông Trần Văn Hùng – Thành viên HĐQT
- (4) Ông Phùng Quang Minh – Thành viên HĐQT.

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của BKS:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Phạm Mạnh Đức	Trưởng BKS	0	0
2	Nguyễn Tất Linh	Thành viên	14.670	0,449
3	Trần Thị Minh Phượng	Thành viên	495	0,015

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát tổ chức các phiên họp định kỳ 02 lần/năm để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và quy định của Pháp luật.

- Tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT, có ý kiến trực tiếp hoặc bằng văn bản về các nội dung có liên quan. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn về giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực, minh bạch mọi mặt hoạt động của Công ty.

- Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

3. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và BKS

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ-2014 phiên họp thường niên 2014 ngày 25/04/2014, cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách: Hưởng lương theo Quy chế trả lương của công ty, phù hợp kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2014, các lợi ích khác được hưởng theo quy định của công ty.

- Tổng giám đốc: Hưởng lương theo Quy chế trả lương của công ty, phù hợp kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2014, các lợi ích khác được hưởng theo quy định của công ty.

- Các thành viên HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT làm việc kiêm nhiệm được hưởng thù lao, như sau:

+ Thành viên HĐQT và Trưởng BKS: 1.500.000 đồng/người/tháng.

+ Thành viên BKS và Thư ký HĐQT: 1.200.000 đồng/người/tháng.

- Cụ thể thực hiện năm 2014 như sau :

* Thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký trong năm 2014

Đơn vị tính: đồng				
TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Tiền lương
1	Lê Hữu Điều	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	267,940,000
2	Phùng Quang Minh	Thành viên Hội đồng quản trị	18,000,000	165,892,000
3	Trần Văn Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị	18,000,000	167,366,985
4	Bùi Sĩ Chiến	Thành viên Hội đồng quản trị	18,000,000	173,725,000
5	Nguyễn Văn Triệu	Thành viên Hội đồng quản trị	18,000,000	231,425,000
6	Phạm Mạnh Đức	Trưởng Ban kiểm soát	18,000,000	-
7	Nguyễn Tất Linh	Thành viên Ban kiểm soát	14,400,000	99,130,000
8	Trần Thị Minh Phượng	Thành viên Ban kiểm soát	14,400,000	48,711,000
9	Văn Việt Hưng	Thư ký	14,400,000	63,572,500
Tổng cộng			133,200,000	1,217,762,485

- Các khoản lợi ích khác: Không

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Văn Hùng	Thành viên HĐQT	22.015	0,67	26.515	0,81	Mua cổ phiếu

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : Không

3.4. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

- Hội đồng quản trị hoạt động với mục đích quản lý và điều hành đem lại lợi ích cao nhất cho công ty, do vậy để hoạt động của HĐQT ngày càng có hiệu quả các thành viên trong hội đồng quản trị cần phải nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao;

- Cử thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp;

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống quy chế quản lý nội bộ và triển khai thực hiện nhất quán tại các đơn vị, công trình trực thuộc;

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi, phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên.

PHẦN VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
của Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama
(Số : 722/BCKT/TC)*

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama, được lập ngày 31/01/2015, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TÔNG THỊ BÍCH LAN

Phó Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 0060-2014-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2015

NGUYỄN TRUNG KIÊN

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 2349-2014-126-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA		BÁO CÁO TÀI CHÍNH		
Địa: 72E Đường Hoàng Diệu - TP Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Đơn vị tính: đồng				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		158,269,884,377	161,632,723,656
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	11,702,743,691	7,369,091,778
1. Tiền	111		11,702,743,691	7,041,331,361
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	327,760,417
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		515,000,000	127,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	515,000,000	127,000,000
III. Các khoản phải thu	130		95,481,368,209	81,255,544,215
1. Phải thu của khách hàng	131	V.03	104,966,083,832	90,066,593,658
2. Trả trước cho người bán	132		778,616,123	1,471,576,406
3. Các khoản phải thu khác	138	V.04	732,620,463	683,107,898
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(10,995,952,209)	(10,965,733,747)
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	44,905,468,421	68,337,622,236
1. Hàng tồn kho	141		45,115,407,371	68,547,561,186
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(209,938,950)	(209,938,950)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,665,304,056	4,543,465,427
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	50,000,000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	776,570,018
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	5,615,304,056	3,766,895,409
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14,418,525,929	19,402,263,982
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		9,416,396,516	11,828,648,596
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	9,416,396,516	11,809,515,863
- Nguyên giá	222		49,598,261,070	49,795,044,754
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(40,181,864,554)	(37,985,528,891)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	19,132,733
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5,002,129,413	7,573,615,386
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	4,809,449,413	7,304,435,386
2. Tài sản dài hạn khác	268		192,680,000	269,180,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		172,688,410,306	181,034,987,638

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Tiếp theo)				
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		126,978,468,935	136,229,861,124
I. Nợ ngắn hạn	310		125,883,141,971	124,610,370,267
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	53,798,968,013	50,879,181,980
2. Phải trả người bán	312	V.11	28,198,723,157	18,414,856,331
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	21,932,325,813	27,409,894,891
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	2,116,464,387	4,095,642,591
5. Phải trả công nhân viên	315		7,571,762,229	9,982,066,280
6. Chi phí phải trả	316	V.14	4,195,959,212	3,677,679,480
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	7,907,371,794	10,055,628,749
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		161,567,366	95,419,965
II. Nợ dài hạn	330		1,095,326,964	11,619,490,857
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	693,771,423	621,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.17	401,555,541	10,998,490,857
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		45,709,941,371	44,805,126,514
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	45,709,941,371	44,805,126,514
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		32,651,550,000	32,651,550,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3,102,723,500	3,102,723,500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		637,913,643	571,766,242
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5,602,116,171	5,535,968,770
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		503,857,190	503,857,190
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3,211,780,867	2,439,260,812
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		172,688,410,306	181,034,987,638

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài	001			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		1,022,844,387	1,022,844,387
5. Ngoại tệ các loại (USD)	007		90.66	3,681.66
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

BÁO CÁO				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Năm 2014				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: đồng Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19	160,685,438,407	115,581,762,465
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.20	160,685,438,407	115,581,762,465
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	145,618,279,710	99,452,400,627
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15,067,158,697	16,129,361,838
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	60,196,439	168,910,370
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	5,720,166,779	5,581,134,269
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5,720,166,779	5,581,134,269
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9,312,240,904	9,332,548,547
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		94,947,453	1,384,589,392
11. Thu nhập khác	31		2,743,052,900	400,846,862
12. Chi phí khác	32		233,509,032	21,505,560
13. Lợi nhuận khác	40		2,509,543,868	379,341,302
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,604,491,321	1,763,930,694
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.24	536,415,210	440,982,674
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2,068,076,111	1,322,948,020
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		633	405

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ			
Theo phương pháp trực tiếp			
Năm 2014			
Đơn vị tính: đồng			
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	156,440,132,658	167,249,462,217
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(96,406,427,848)	(110,913,098,388)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(49,266,137,228)	(51,977,263,418)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(5,742,128,979)	(5,540,448,168)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(546,348,606)	(1,590,457,280)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10,320,191,504	1,452,918,500
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(10,482,324,164)	(11,845,426,844)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>4,316,957,337</i>	<i>(13,164,313,381)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1,015,481,819)	(4,073,350,909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2,715,000,000)	(5,937,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2,327,000,000	5,810,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	60,196,439	168,910,370
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(1,343,285,380)</i>	<i>(4,031,440,539)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	128,597,041,870	107,802,129,655
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(125,604,484,414)	(92,055,442,145)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1,632,577,500)	(3,265,155,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>1,359,979,956</i>	<i>12,481,532,510</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4,333,651,913	(4,714,221,410)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7,369,091,778	12,083,313,188
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11,702,743,691	7,369,091,778

Chi tiết Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2014 của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama được đăng tải trên website <http://www.lilamaemc.com.vn>

Ninh Bình, ngày 16 tháng 03 năm 2015



Nguyễn Văn Triều